TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG ANH** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 100/2021/QĐST-VDS.	*Đông Anh, ngày 28 tháng 04 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

Về việc: Thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp*: Ông Nguyễn Ngọc Lân.

- *Thư ký phiên họp*: Bà Nguyễn Hải Yến - Thư ký Toà án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội tham gia phiên họp*: Bà Nguyễn Thị Thúy Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 04 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 74/2021/TLST-VDS ngày 14 tháng 04 năm 2021, về việc: "Thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú "; Theo Quyết định mở phiên họp giải quyết việc dân sự số: 13/2021/QĐST-VDS ngày 16 tháng 04 năm 2021, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Ông Nguyễn Như B, sinh năm 1963; Trú tại địa chỉ: Thôn Ng, xã V, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1964 (*Là vợ ông B*); Nơi cư trú cuối cùng: Thôn Ng, xã V, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

Ông B có mặt tại phiên họp.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú ghi ngày 07 tháng 04 năm 2021 và những lời khai tiếp đó của ông Nguyễn Như Bn là người yêu cầu việc dân sự trình bày:

Ông kết hôn với bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1964, trú tại địa chỉ: Thôn Ng, xã V, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội ngày 06 tháng 12 năm 1982. Vợ chồng có 02 con chung là: Nguyễn Thị Th, sinh năm 1984 và Nguyễn Như T , sinh năm 1989.

Quá trình chung sống , hôn nhân giữa ông và bà Sa không được hòa thuận , hạnh phúc. Đầu năm 2002, do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng , bà Sáng đã bỏ về nhà bố mẹ bà ở . Tháng 4 năm 2002, ông làm đơn ly hôn bà Sa đến Tòa án nhưng sau đó ông đã rút đơn để chờ kết quả giải quyết của cơ quan Công an về việc bà S tố cáo ông có hành vi loạn luân với con gái.

Tháng 02 năm 2003, ông tiếp tục khởi kiện xin ly hôn bà S đến Tòa án. Do bà S đã bỏ đi khỏi địa phương , không có tin tức gì nên ông lại rút đơn khởi kiện , Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án.

Từ đó đến nay , ông không biết bà S sinh sống, làm việc ở đâu và hai bên không có bất cứ liên hệ gì đối với nhau . Qua con trai là anh Nguyễn Như T , ông được biết, bà S vẫn thường xuyên liên lạc với anh T qua điện thoại di động , hỏi thăm gia đình nhưng không cho biết địa chỉ để ông có căn cứ giải quyết việc ly hôn với bà S.

Nay ông yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đông Anh thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với bà Nguyễn Thị S để ông có căn cứ yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với bà Stheo quy định của pháp luật.

Bà S có đặc điểm nhận dạng : Cao khoảng 1m6, nước da ngăm đen, mắt bên trái bị hỏng do bệnh tật.

Tại phiên họp, ông Nguyễn Như B vẫn giữ nguyên yêu cầu và đề nghị Tòa án thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với bà Nguyễn Thị S

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến:

- Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Người yêu cầu việc dân sự chấp hành nghiêm túc các thông báo, quyết định tố tụng của Tòa án.

Xác định yêu cầu thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú của ông Nguyễn Như B đối với bà Nguyễn Thị S là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật. Căn cứ vào Điều 64 của Bộ luật Dân sự, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đông Anh chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Như B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự đã được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội nhận định:

[1]. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do ông Nguyễn Như B cung cấp cho Tòa án là: Bản sao Sổ Hộ khẩu gia đình ông Nguyễn Như B; Bản sao Giấy khai sinh của các con; Xác nhận của Ủy ban nhân dân xã W và Công an xã V,… có đủ cơ sở xác định ông Nguyễn Như B, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1964, cùng

trú tại: Thôn Ng, xã V, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội là vợ chồng hợp pháp từ năm 1982. Ông bà có 02 người con chung là: Chị Nguyễn Th ị Th, sinh năm 1984 và anh Nguyễn Như T, sinh năm 1989.

Quá trình chung sống, giữa vợ chồng ông B và bà S thường xẩy ra mâu thuẫn nên hôn nhân không hòa thuận, hạnh phúc. Năm 2002, do mâu thuẫn căng thẳng, bà S bỏ về nhà bố mẹ đẻ bà ở một thời gian, ông B đã nộp đơn xin ly hôn bà S tại Tòa án nhân dân huyện Đông Anh để giải quyết, nhưng ông đã rút đơn khởi kiện để chờ kết luận của Cơ quan điều tra Công an huyện Đông Anh, giải quyết về đơn tố cáo ông có hành vi phạm pháp luật hình sự của bà S. Đầu năm 2003, ông B tiếp tục làm đơn ly hôn bà S đến Tòa án để giải quyết nhưng bà S đã bỏ đi khỏi địa phương từ cuối năm 2002, không có tin tức gì nên ông lại rút đơn khởi kiện, Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án.

Tài liệu xác minh của Công an xã V ngày 13 tháng 04 năm 2021 tại gia đình ông Nguyễn Vũ H là anh ruột bà S và lời khai của anh Nguyễn Như T là con trai của ông B, bà S tại Tòa án ngày 16 tháng 04 năm 2021 cho thấy bà Nguyễn Thị S đã bỏ đi khỏi nơi cư trú cuối cùng là: Thôn Ng, xã V, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội từ khoảng cuối năm 2002.

Ông H và anh T cho biết: Năm 2010, bà S có về thăm gia đình vài hôm và nói hiện đang sống và làm việc bên Trung Quốc nhưng không rõ địa chỉ. Những năm gần đây, bà S vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình qua mạng xã h ội Zalo trên điện thoại di động. Tháng 03 năm 2021, sau dịp Tết Nguyên đán vừa qua, bà S liên lạc về nói là đang ở xa, lại dịch bệnh COVID -19 nên không về quê ăn tết được.

Như vậy, việc ông Nguyễn Như B yêu cầu Tòa án thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với bà Nguyễn Thị Sa vợ ông là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 381 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

- Về lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm phải chịu: Ông Nguyễn Như B phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) vào ngân sách Nhà nước.

Đề nghị về giải quyết việc dân sự của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Tòa án nên được chấp nhận.

Vì những lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Điều 64 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Khoản 2 Điều 27; khoản 1 Điều 381 và Điều 383 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí và lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

1. Chấp nhận Đơn yêu cầu việc dân sự của ông Nguyễn Như B.

2. Quyết định thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1964 ; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú cuối cùng: Thôn Ng, xã V, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

3. Lệ phí việc dân sự sơ thẩm: 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), ông Nguyễn Như Biên phải nộp vào ngân sách Nhà nước . Ông Nguyễn Như B đã nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0045050 ngày 12 tháng 04 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh, nay được chuyển thành tiền lệ phí.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

- Ông Nguyễn Như B có quyền kháng cáo Quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra Quyết định.

- Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị Quyết định này trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Đông Anh;
- Người yêu cầu việc dân sự;
- Chi cục THADSH. Đông Anh;
- Lưu hồ sơ;

THẨM PHÁN

Nguyễn Ngọc Lân

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 93-DS

(1) Ghi tên Toà án ra Quyết định giải quyết việc dân sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện A thuộc tỉnh B), nếu là Toà án nhân dân cấp tỉnh thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) nào (ví dụ: Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên).

(2) Ô thứ nhất ghi số Quyết định, ô thứ hai ghi năm ra Quyết định, ô thứ ba ghi ký hiệu loại Quyết định, nếu là Quyết định sơ thẩm thì ghi "Số:10/2017/QĐDS-ST", nếu là Quyết định phúc thẩm thì ghi "Số:10/2017/QĐDS-PT".

(3) Ghi ngày, tháng, năm ra quyết định, không phân biệt phiên họp giải quyết việc dân sự diễn ra trong một buổi hay nhiều buổi.

(4) Ghi trích yếu nội dung của Quyết định, ví dụ: "Tuyên bố một người mất tích", "Tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự",…

(5) và (6) Ghi tên các Thẩm phán trong trường hợp theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự thì thành phần tham gia phiên họp giải quyết việc dân sự gồm có 3 Thẩm phán.

(7) và (24) Ghi tên Tòa án giải quyết việc dân sự

(8) Ghi tên Viện kiểm sát.

(9) Ghi ngày, tháng, năm diễn ra phiên họp giải quyết việc dân sự.

(10) Địa điểm diễn ra phiên họp (ví dụ: trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên tỉnh Nam Định).

(11) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý việc dân sự (ví dụ: Số: 30/2017/TLST-DS).

(12) Ghi trích yếu việc dân sự mà Tòa án giải quyết: Cần xác định việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại khoản, điều nào của Bộ luật tố tụng dân sự để ghi vào phần trích yếu của việc dân sự (ví dụ: Việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết là "Yêu cầu tuyên bố một người mất tích" được quy định tại khoản 3 Điều 27 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: "tuyên bố một người mất tích").

(13) Ghi rõ số, ký hiệu của Quyết định mở phiên họp, nếu là Quyết định mở phiên họp sơ thẩm thì ghi "Số:10/2017/QĐPH-ST", nếu là Quyết định mở phiên họp phúc thẩm thì ghi "Số:10/2017/QĐPH-PT".

(14) Ghi rõ tên người yêu cầu, nếu là cá nhân thì ghi họ tên, địa chỉ cư trú; nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên cần ghi thêm ngày, tháng, năm sinh; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ của cơ quan, tổ chức đó.

(15) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ cư trú; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay là người đại diện theo uỷ quyền của người yêu cầu; nếu là người đại diện theo pháp luật thì cần ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với người yêu cầu; nếu là người đại diện theo uỷ quyền thì cần ghi chú trong ngoặc đơn: "văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...".

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A trú tại... là người đại diện theo pháp luật của người yêu cầu (Giám đốc Công ty TNHH Thắng Lợi).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B trú tại... là người đại diện theo uỷ quyền của người yêu cầu (Văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...).

(16) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu. Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều người yêu cầu thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người yêu cầu nào.

(17) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (14).

(18) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (15).

(19) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (16).

(20) Ghi họ tên và địa chỉ của người làm chứng.

(21) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người phiên dịch. Nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú.

(22) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người giám định. Nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú.

(23) Ghi rõ những vấn đề mà người yêu cầu yêu cầu Tòa án giải quyết theo đơn yêu cầu của người yêu cầu.

(25) Ghi nhận định của Tòa án và những căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận đơn yêu cầu.

(26) Ghi rõ những căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(27) Ghi rõ những người phải nộp lệ phí giải quyết việc dân sự và mức lệ phí mỗi người phải nộp.

(28) Lưu ý: Chỉ ghi nội dung quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án theo quy định của Luật thi hành án dân sự đối với những quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự.

(29) Phần cuối cùng của quyết định, trường hợp thành phần tham gia phiên họp giải quyết việc dân sự là 1 Thẩm phán thì cần ghi như sau:

Trường hợp thành phần tham gia phiên họp giải quyết việc dân sự là 3 Thẩm phán thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên của các thành viên Hội đồng giải quyết việc dân sự và đóng dấu (quyết định này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với quyết định để gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện và Viện kiểm sát thì ghi như sau:

Nơi nhận:
Ghi những nơi mà Toà án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi quyết định theo quy định tại Điều 370 của Bộ luật tố tụng dân sự và những nơi cần lưu bản án.

TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)